|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN MTTQ VIỆT NAMHUYỆN NINH HẢI**BAN THƯỜNG TRỰC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  *Ninh Hải, ngày 08 tháng 01 năm 2025* |

***Biểu số 1***

**BẢNG TỔNG HỢP**

 **Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị xã Vĩnh Hải**

 **đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024**

**-----------------------**

- Tổng số hộ dân trên địa bàn xã: 2.135 hộ.

- Tổng số hộ dân được lấy ý kiến: 1.708 hộ (đạt tỷ lệ 80%).

- Tổng số ý kiến hài lòng: 1.705 hộ (đạt tỷ lệ 99,82%).

- Tổng số ý kiến không hài lòng: 03 hộ (đạt tỷ lệ 0,18%).

- Ý kiến khác:

+ Tình trạng rác thải nơi công cộng còn nhiều, lộ trình quy hoạch nông thôn chưa phổ biến kịp thời cho người dân thôn Thái An.

+ Đề nghị quan tâm thường xuyên kiểm tra, xử lý tình trạng xả nước thải sinh hoạt ra các trục đường chính trong thôn Vĩnh Hy.

| **STT** | **NỘI DUNG** | **Tổng số phiếu phát ra** | **Tổng số phiếu thu về** | **Hài lòng** | **Không hài lòng** | **Lý do chưa hài lòng** | **Kiến nghị, đề xuất** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số phiếu* | *Tỷ lệ (%)* | *Không hài lòng* | *Tỷ lệ (%)* |
| 1 | Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới được thông báo đến người dân |  1.708  |  1.708  |  1.704  | 99,77% | 4 | 0,23% | Việc thông báo các quy hoạch chi tiết cho người dân chưa thường xuyên, quy hoạch khu dân cư chưa đáp ứng nhu cầu của người dân | Cần bổ sung quy hoạch mở rộng các khu dân cư để người dân được xây nhà, ổn định cuộc sống.  |
| 2 | Đường giao thông từ xã đến các thôn thuận tiện đi lại và vận chuyển hàng hóa; được trồng cây xanh và có biển báo, chỉ dẫn theo quy định |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Một số công trình các tuyến đường đang thi công, tiến độ chậm, khiến việc đi lại khó khăn | Cần đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây mới, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã, nhất là thôn Thái An để đảm bảo thuận tiên việc đi lại cho người dân |
| 3 | Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiết kiệm điện nước; nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp không bị ô nhiễm theo quy định |  1.708  |  1.708  |  1.707  | 99,94% | 1 | 0,06% | Trong thời gian nắng hạn, một số diện tích cây trồng chưa chủ động được nước tưới, còn thiếu nước | Cần có hệ thống điều tiết nước sản xuất nông nghiệp trên toàn xã và có kết nối hệ thống nước sản xuất nông nghiệp với các địa phương khác |
| 4 | Hệ thống điện được sử dụng an toàn, ổn định |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Có lúc nguồn điện chưa ổn định | Cần nâng cấp lưới điện để ổn định nguồn điện cho người dân |
| 5 | Chất lượng dạy, học và cơ sở vật chất của của các trường học đáp ứng yêu cầu. Mô hình học tập cộng đồng được duy trì; quỹ khuyến học, khuyến tài được xây dựng ở các khu dân cư |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Cơ sở vật chất có điểm còn chưa đầy đủ, đầu tư chậm | Cần tiếp tục rà soát, đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các trường trên địa bàn xã |
| 6 | Trên địa bàn xã có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng có sự tham gia thường xuyên của người dân; thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định |  1.708  |  1.708  |  1.700  | 99,53% | 8 | 0,47% | Việc lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời tại các điểm công cộng dù đã có nhưng chưa phổ biến, còn ít so với nhu cầu của người dân. Có thôn chưa được đầu tư, bố trí các điểm thể dục thể thao | Cần quan tâm đề xuất, kiến nghị, vận động đầu tư lắp đặt thêm dụng cụ thể thao ngoài trời tại các điểm công cộng các thôn. Quan tâm bố trí diện tích đất để phục vụ thể dục, thể thao quần chúng. |
| 7 | Có mô hình thí điểm chợ hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa đảm bảo về an toàn vệ sinh thực phẩm và hàng hóa tiêu dùng |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Tại các điểm chợ thôn, có lúc vệ sinh môi trường chưa đảm bảo do hệ thống thoát nước thải chưa đạt yêu cầu  | Xã đã xây dựng chợ cấp xã đảm bảo yêu cầu, cần quan tâm hơn công tác vệ sinh môi trường, có giải pháp xử lý nước thảitại các điểm chợ thôn |
| 8 | Có điểm phục vụ bưu chính; có các điểm Wifi miễn phí tại các khu vực công cộng |  1.708  |  1.708  |  1.701  | 99,59% | 7 | 0,41% | Các điểm Wifi miễn phí tại các khu vực công cộng chưa phổ biến, có điểm chưa ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng và có điểm chưa có | Tiếp tục quan tâm hơn nữa việc lắp đặt các điểm Wifi miễn phí tại các khu vực công cộng, nhất là các khu tập trung đông người như công viên, bến tàu. Nâng cao chất lượng các thiết bị phát Wifi |
| 9 | Nhà ở dân cư đảm bảo kiên cố hoặc bán kiên cố trên 95%. |  1.708  |  1.708  |  1.705  | 99,82% | 3 | 0,18% | Hiện nay vẫn còn có nhà chưa kiên cố; một số nơi đất thổ cư chưa đáp ứng được nhu cầu xây nhà của người dân | Đẩy mạnh việc xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người dân; quy hoạch mở rộng khu dân cư đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân |
| 10 | Thu nhập các hộ gia đình đảm bảo cuộc sống; có nguồn thu ổn định |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Một số hộ ngư dân nuôi hải sản gặp nhiều khó khăn vì không có vị trí nuôi phù hợp; giá cả nông sản bấp bênh khiến thu nhập không ổn định | Quan tâm bố trí, sắp xếp khu vực nuôi hải sản phù hợp hoặc chuyển đổi nghề cho một số ngư dân có nhu cầu |
| 11 | Không còn hộ nghèo thiếu đói; tỷ lệ hộ khá, hộ giàu tăng hàng năm |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Vẫn còn tỷ lệ hộ nghèo; một số hộ dân chưa tiếp cận được nguồn vốn vay để đầu tư nâng cao thu nhập | Tiếp tục thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay cho người dân |
| 12 | Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; địa phương có sản phẩm OCOP được xếp hạng; có mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp |  1.708  |  1.708  |  1.703  | 99,71% | 5 | 0,29% | Các hợp tác xã có lúc hoạt động không đồng nhất và hiệu quả, Có thôn chưa có mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp | Cần quan tâm củng cố hoạt động của các hợp tác xã; Tăng cường phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp |
| 13 | Người dân được cập nhật số khám chữa bệnh điện tử; có sự kết nối trong khám chữa bệnh từ xa đảm bảo thuận lợi cho người dân |  1.708  |  1.708  |  1.705  | 99,82% | 3 | 0,18% | Còn tỷ lệ người dân chưa được cập nhật sổ khám chữa bệnh điện tử | Tiếp tục rà soát, hỗ trợ người dân cập nhật sổ khám chữa bệnh điện tử, tích hợp thể bảo hiểm y tế vào định danh điện tử |
| 14 | Các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh, thuận lợi, đúng quy định |  1.708  |  1.708  |  1.686  | 98,71% | 22 | 1,29% | Công tác giải quyết các thủ tục hành chính, nhất là về lĩnh vực đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân có lúc còn chậm | Cần tăng cường lực lượng, đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân |
| 15 | Có mô hình tuyên truyền phổ biến về pháp luật; mô hình hòa giải hoạt động có hiệu quả ở khu dân cư |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật có lúc còn chậm | Quan tâm, tăng cường hoạt động của mô hình tuyên truyền pháp luật tại địa phương, thường xuyên thông báo, tuyên truyền các chính sách, pháp luật mới trên loa phát thanh, các trang mạng xã hội |
| 16 | Các hộ gia đình thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn tại nguồn, rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định của khu dân cư; các hộ gia đình kinh doanh, sản xuất đảm bảo thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường; khu dân cư được trồng nhiều cây xanh |  1.708  |  1.708  |  1.695  | 99,24% | 13 | 0,76% | Việc phân loại rác tại nguồn có hộ vẫn chưa thựa hiện tốt, có hộ kinh doanh chưa đảm bảo môi trường. Việc thu gom và chở rác dân cư có lúc còn chậm | Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện tốt phân loại rác tại nguồn, nhân rộng các mô hình điển hình về phân loại rác. Kiểm tra, xử lý các hộ kinh doanh không đảm bảo vệ sinh môi trường. Quản lý chặt chẽ công tác thu gom, vận chuyển rác khu dân cư |
| 17 | Hộ gia đình được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung theo quy định; hộ gia đình thường xuyên được tuyên truyền, tập huấn về an toàn trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm; không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm đông người (từ 10 người trở lên/vụ) tại các khu dân cư |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Nguồn nước sinh hoạt từ hệ thống nước có lúc chưa đảm bảo; công tác tuyên truyền về an toàn trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm có nơi chưa rộng rãi vẫn có hộ gia đình, người dân ít được tuyên truyền | Cần có cơ chế thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước sinh hoạt từ hệ thống cấp nước trên địa bàn xã; Tăng cường công tác tuyên truyền về an toàn trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm cho các hộ gia dình  |
| 18 | Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình tự quản về an ninh trật tự tại khu dân cư hoạt động thường xuyên, hiệu quả |  1.708  |  1.708  |  1.706  | 99,88% | 2 | 0,12% | Camera an ninh trên địa bàn xã còn thưa thớt, chưa phủ hết các điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, chưa đảm bảo công tác giám sát, đảm bảo an ninh trật tự | Tiếp tục đầu tư, xã hội hóa để tăng cường số lượng, chất lượng mô hình camera an ninh trên địa bàn xã |
| 19 | Về tổng thể, Ông/Bà hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của địa phương như thế nào? |  1.708  |  1.708  |  1.705  | 99,82% | 3 | 0,18% | Về tổng thể chưa hài lòng | Cần tiếp tục nâng cao hơn nữa các tiêu chí vẫn còn tỷ lệ người dân chưa hài lòng |

|  |  |
| --- | --- |
|  | TM. BAN THƯỜNG TRỰC**CHỦ TỊCH****Ngô Minh Tự** |